

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày: 21-6-2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Đức và bà Trần Thị Hồng Minh

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Kim Dung-Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q (tên viết tắt: NCB); địa chỉ: Số 28C-28D, phố B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H- Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Phạm Thu H1 – Chức vụ: Phó phòng TTXLN.XLNMB (*Theo văn bản ủy quyền số 56/2023/UQ-CTHĐQT ngày 24/4/2023*)

Người được ủy quyền lại của bà H1: Ông Đỗ Tùng D, sinh năm 1978 (có mặt), ông Ứng Doãn H2 (vắng mặt), bà Trần Lê Phương U (vắng mặt) – Cán bộ Ngân hàng Ngân hàng TMCP Quốc Dân (*Theo văn bản ủy quyền số 254/2023/UQ-NCBN ngày 05/6/2023*);

- *Bị đơn:* Anh Lê Duy G, sinh năm 1984 (có mặt) và chị Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1980 (vắng mặt); Điều cư trú: tổ dân phố V, thị trấn L, huyện L, tỉnh V;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2022, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/11/2018, Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là NCB) ký hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 121/18/HĐCV/9342 cho vợ chồng anh Lê Duy G và chị Nguyễn Thị Thanh H4 vay 747.000.000đ, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay là 8.49%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm tính trên dư lãi trậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD TRANSIT SVP, khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là 01 xe ô tô FORD TRANSIT SVP, 16 chỗ ngồi, biển kiểm soát 88B-009.05 mang tên Lê Duy G (theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC số 121/18/HĐTC/9342 ngày 02/11/2018). Trả nợ gốc và lãi: trả 01 lần/tháng. Kỳ đầu tiên trả vào ngày 26/11/2018, kỳ tiếp theo trả vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối cùng trả vào ngày kết thúc khoản vay và mỗi tháng trả 8.892.000đ tiền gốc, tháng cuối cùng trả 8.964.000đ tiền gốc. Trong quá trình vay vốn NCB, vợ chồng anh G, chị H4 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khoản nợ của anh chị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/02/2019. Đến ngày 09/12/2021, anh G, chị H4 đã bàn giao tài sản bảo đảm cho NCB, NCB đã xử lý để thu hồi khoản nợ và ngày 15/4/2022, NCB đã tiến hành bán đấu giá tài sản thế chấp với giá 390.549.000đ. Số tiền sau khi trừ đi các chi phí còn lại là 365.501.000đ đã được trừ vào nợ gốc nên NCB không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản thế chấp của anh G, chị H4.

Tính đến nay, anh G và chị H4 đã trả được cho NCB tổng số tiền là 427.462.232đ, trong đó: 410.787.245đ tiền gốc và 16.674.987đ tiền lãi.

Tính đến ngày 21/6/2023, anh G, chị H4 còn nợ lại NCB tổng số tiền là: 758.863.980đ, trong đó nợ gốc là 336.212.755đ, nợ lãi trong hạn là 260.444.169đ, nợ lãi quá hạn là 99.960.945đ, nợ chậm trả lãi 62.246.111đ.

Nay NCB đề nghị anh Lê Duy G và chị Nguyễn Thị Thanh H4 phải thanh toán cho NCB toàn bộ số tiền nêu trên (tính đến hết ngày 21/6/2023) và anh G, chị H4 phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 22/6/2023 đến khi trả nợ xong.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H4 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm bản tự khai, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên

tòa lần 2 nhưng chị H4 vẫn vắng mặt không có lý do.

Bị đơn anh Lê Duy G trình bày: Anh xác nhận nội dung như đại diện nguyên đơn trình bày như trên là đúng. Vợ chồng anh đã trả đủ cho Ngân hàng theo đúng phân kỳ trả nợ nhưng do dịch bệnh covid nên đến tháng 02/2019 thì vợ chồng anh không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 09/12/2021, thì anh tự nguyện giao xe cho Ngân hàng thu hồi xe ô tô của anh để bán phát mại. Sau đó anh có nhận được thông báo về giá chiếc xe bán phát mại là 365.000.000 đồng. Sau khi nhận thông báo về giá chiếc xe ô tô bán phát mại thì anh không đồng ý giá như vậy nhưng anh không có đơn khiếu nại gì về việc bán xe.

Đến nay NCB yêu cầu vợ chồng anh trả nợ như trên, anh nhất trí trả nợ nhưng do kinh tế của vợ chồng anh khó khăn, anh đề nghị NCB cho vợ chồng anh trả dần.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến trước khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NCB, buộc anh Lê Duy G, chị Nguyễn Thị Thanh H4 phải liên đới trả cho NCB tổng số tiền tính đến hết ngày 21/6/2023 là 758.863.980đ, trong đó nợ gốc là 336.212.755đ, nợ lãi trong hạn là 260.444.169đ, nợ lãi quá hạn là 99.960.945đ, nợ chậm trả lãi 62.246.111đ và anh Lê Duy G, chị Nguyễn Thị Thanh H4 phải tiếp tục trả lãi quá hạn trên nợ gốc còn lại tại thời điểm thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 22/6/2023 đến khi trả nợ xong. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa

và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) có đơn khởi kiện anh Lê Duy G, chị Nguyễn Thị Thanh H4 về hợp đồng tín dụng, mục đích vay là mua xe ô tô. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 02/11/2018, NCB và anh Lê Duy G, chị Nguyễn Thị Thanh H4 có ký hợp đồng tín dụng và NCB có đơn khởi kiện về hợp đồng tín dụng. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm bản tự khai, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H4 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H4 theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 05/5/2017.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của NCB về yêu cầu anh Lê Duy G, chị Nguyễn Thị Thanh H4 phải trả tổng số tiền tính đến hết ngày 21/6/2023 là 758.863.980đ, trong đó nợ gốc là 336.212.755đ, nợ lãi trong hạn là 260.444.169đ, nợ lãi quá hạn là 99.960.945đ, nợ chậm trả lãi 62.246.111đ và anh G, chị H4 phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 121/18/HĐCV/9342 ngày 02/11/2018 kể từ ngày 22/6/2023 đến khi trả nợ xong, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 02/11/2018, NCB có ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 121/18/HĐCV/9342 cho anh Lê Duy G, chị Nguyễn Thị Thanh H4 vay 747.000.000đ, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay là 8.49%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng anh G, chị H đã trả được cho NCB tổng số tiền là 427.462.232đ, trong đó: 410.787.245đ tiền gốc và 16.674.987đ tiền lãi. Đến nay còn nợ lại tổng số tiền là: 758.863.980đ, trong đó nợ gốc là 336.212.755đ, nợ lãi trong hạn là 260.444.169đ, nợ lãi quá hạn là 99.960.945đ, nợ chậm trả lãi 62.246.111đ (tính đến hết ngày 21/6/2023). Mặc dù quá trình giải quyết vụ án anh G có mặt, chị H4 vắng mặt, nhưng qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do NCB cung cấp thấy rằng: số tiền vay, thời gian

vay và các thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng tín dụng ngày 02/11/2018 cũng như quá trình thực hiện hợp đồng giữa NCB và anh Lê Duy G, chị Nguyễn Thị Thanh H4 là có căn cứ. Việc anh G, chị H4 không trả được nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là vi phạm hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Bản thân anh G trong quá trình giải quyết vụ án cho rằng: Anh chỉ đồng ý trả nợ cho NCB nếu NCB giải quyết thỏa đáng tài sản thế chấp của anh là chiếc xe ô tô anh đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 121/18/HĐTC/9342 ngày 02/11/2018. Tuy nhiên, anh G, chị H4 không có khiếu nại gì về việc NCB bán tài sản thế chấp của vợ chồng anh và việc vợ chồng anh bàn giao tài sản thế chấp cho NCB tự bán tài sản là hoàn toàn tự nguyện. Hơn nữa, NCB không yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp. Tại phiên tòa, anh G nhất trí trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng anh xin trả dần, đại diện nguyên đơn không đồng ý cho vợ chồng anh trả dần. Do vậy, yêu cầu của anh G là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại Điều 2, Điều 10 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 02/11/2018 có quy định về lãi suất (bao gồm lãi suất cho vay, lãi suất nợ gốc quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả), kỳ điều chỉnh lãi suất. Như vậy, lãi suất cho vay, lãi suất chậm trả đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 22/6/2023 cho đến khi anh G, chị H4 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của hợp đồng theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 121/18/HĐCV/9342 ngày 02/11/2018.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của NCB đối với anh Lê Duy G, chị Nguyễn Thị Thanh H4 là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: NCB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $20.000.000đ + (4\% \times 358.863.980đ) = 34.355.000đ$ (làm tròn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Khoản 1 Điều 273; Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 24, Điều 91, Điều 95 và điểm a Khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (NCB) đối với anh Lê Duy G, chị Nguyễn Thị Thanh H4.

Buộc anh Lê Duy G, chị Nguyễn Thị Thanh H4 phải liên đới trả cho NCB số tiền là 758.863.980đ, trong đó nợ gốc là 336.212.755đ, nợ lãi trong hạn là 260.444.169đ, nợ lãi quá hạn là 99.960.945đ, nợ chậm trả lãi 62.246.111đ (tính đến hết ngày 21/6/2023)

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 22/6/2023 cho đến khi bị đơn anh Lê Duy G, chị Nguyễn Thị Thanh H4 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của hợp đồng theo mức lãi suất nợ quá hạn ghi trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 121/18/HĐCV/9342 ngày 02/11/2018 trên nợ gốc còn lại tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí: Anh Lê Duy G, chị Nguyễn Thị Thanh H4 phải liên đới chịu 34.355.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.116.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006530 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

Lê Thị Nga